TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thúy Duy;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hữu L, sinh năm 1984; cư trú: 89/3, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; cư trú: Tổ A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa hôm nay tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Phạm Hữu L trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông và bà N là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên cha mẹ đồng ý, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 12/2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà N bài bạc, số đề, gian dối nhiều lần sử dụng tiền mà vợ chồng làm ra vào cờ bạc. Ông nhiều lần vay mượn để thanh toán nợ cho bà và thống nhất cùng nhau đi làm công nhân ở Đồng Nai để có kinh tế và trả nợ nhưng bà N không thay đổi, vẫn tiếp tục trốn tránh chơi số đề, khi bị phát hiện thì vợ chồng cự cãi.

Gia đình đã khuyên nhiều lần nhưng không được, ông không chấp nhận tiếp tục chung sống nên đã ly thân với bà N từ khoảng tháng 5/2023 cho đến nay. Nay ông L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do ông kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với bà N.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho bà N theo quy định nhưng bà N vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông L, bà N để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh ngày 22/4/2024 tại Ban N1 xác định bà Nguyễn Thị N vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ tổ A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang, chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo Biên bản xác minh ngày 15/4/2024 do bà Huỳnh Thị P cung cấp xác định: Bà là mẹ ruột của ông L. Nguyên nhân ông L xin ly hôn với bà N là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ chuyện kinh tế, chi tiêu trong gia đình. Ông L tìm hiểu thì phát hiện bà N cờ bạc, số đề gây nợ nần, ông L nhiều lần vay mượn họ hàng để trả. Sau đó, hai vợ chồng bàn nhau đi Đồng Nai, làm được một thời gian thì bà N vẫn tiếp tục tái diễn, gây nợ nần nên ông L không chấp nhận chung sống và ly thân cho đến nay. Gia đình hai bên cũng đã lên tiếng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay ông L nhận thấy không còn tình cảm và quyết định ly hôn, bà không có ý kiến để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, ông L vắng mặt có đơn; riêng bà N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông L chung sống với bà N đến năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án

tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà N hiện đang cư trú tại xã P, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông L và bà N tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2021 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông L vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà N. Tại phiên hòa giải, ông L yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay ông L vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa ông L và ông bà N đã ly thân từ khoảng tháng 5/2023 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên đã lên tiếng nhưng ông bà vẫn không quay lại chung sống. Ông L cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do bà N bài bạc, số đề gây nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, gia đình không hàn hắn được nên để ông bà tự giải quyết. Lời trình bày trên phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án.

Trong quá trình tố tụng, bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã biết nội dung vụ án; ngoài ra, bà cũng đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà phía ông L cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy việc ông L trình bày là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa ông L và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly

hôn của ông L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nơ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu L.

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Hữu L được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí: Ông Phạm Hữu L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009369 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Ông L đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2024), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG (1);

- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân